

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-PT

Ngày 05 - 6 - 2019

V/v: Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh.

Ông Đỗ Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLPT-TC ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc M. Địa chỉ: Tiểu khu x1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc L. Địa chỉ: Tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Văn S. Địa chỉ: Tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La (theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 9 năm 2017 và ngày 13 tháng 9 năm 2017). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

- Bà Trịnh Thị T1. Địa chỉ: Tiểu khu x3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đức Đ. Địa chỉ: Tiểu khu x3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Đào Thị T2. Địa chỉ: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Vương Thị N. Địa chỉ: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Hoàng Huy T3. Địa chỉ: Tiểu khu x3, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Ông T3 vắng mặt, ủy quyền cho bà Trịnh Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 8 năm 2018). Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T4. Địa chỉ: Tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Bà T4 vắng mặt, ủy quyền cho bà Trịnh Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 9 năm 2018). Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị V. Địa chỉ: Tiểu khu x1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Bà V vắng mặt, ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc M là nguyên đơn trong vụ án tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 9 năm 2017). Có mặt.

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lữ Văn T5, chức vụ: Phó Chi cục trưởng. Có mặt

- Phòng Công chứng số x5, tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tiểu khu x6, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Hà Thị A. Địa chỉ: Tiểu khu x7, thị trấn M1, huyện M1, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

5. Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3, bà Nguyễn Thị T4 (Là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Do có sự quen biết từ trước nên ngày 05/11/2012 và ngày 15/12/2012, ông Nguyễn Ngọc M và vợ là bà Trần Thị V có cho bà Nguyễn Thị T vay tổng số tiền 890.000.000đ, thời hạn vay là 4 tháng.

Đến thời hạn nêu trên, do bà T không có tiền để trả nên ông bà M V đã thỏa thuận mua lại căn nhà 03 tầng tại tiểu khu x2 và 02 mảnh đất tại tiểu khu x4 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La của gia đình bà T với tổng số tiền là

2.300.000.000đ.

Ngày 18/4/2013, ông M thanh toán cho bà T số tiền 1.030.000.000 đồng để xóa thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La - Phòng Giao dịch M và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà 03 tầng đang thế chấp tại đây. Sau đó, hai bên đến Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Chuyển nhượng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 329-426-2c, diện tích 49 m², tài sản trên đất gồm 01 nhà 03 tầng khép kín, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La với số tiền chuyển nhượng là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng).

Hợp đồng thứ hai: Chuyển nhượng thửa đất số 4(1), tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích là 58,5m², địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La với số tiền chuyển nhượng là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Hợp đồng thứ ba: Chuyển nhượng thửa đất số 4(2); tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích là 63m², địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La với số tiền chuyển nhượng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Trong các ngày 24 và 25/4/2013, ông M đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản. Tuy nhiên, do có Công văn số 298/CV-CA ngày 22/4/2013 của Công an huyện Y đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và Ủy ban nhân dân thị trấn Y không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho người khác đối với các thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị T để điều tra về hành vi lừa đảo của bà T nên ông M chưa làm được thủ tục sang tên. Đến ngày 07/9/2015, 13/6/2016, 13/9/2016, ông M tiếp tục đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tài sản nhưng do có Công văn số 45/CCTHADS-NV ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện không xác nhận việc mua bán, chuyển nhượng tài sản mang tên Nguyễn Thị T nên ông M, bà V chưa làm được thủ tục đăng ký với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y.

Do đó, ông Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và tài sản trên đất là hợp pháp do đã tuân thủ các quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Do cần vốn để kinh doanh nên ngày 05/11/2012 và ngày 15/12/2012, bà Nguyễn Thị T có vay của ông Nguyễn Ngọc M và bà Trần Thị V tổng số tiền 890.000.000đ, thời hạn vay là 04 tháng. Đến thời hạn nêu trên, do làm ăn thua lỗ không có tiền trả nên bà T đã thỏa thuận chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho ông bà M V như ý kiến của ông M đã trình bày.

Tại thời điểm chuyển nhượng, các thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu

hợp pháp của vợ chồng bà T, không bị kê biên để thi hành án hay thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào. Do đó, các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã lập giữa vợ chồng bà T và ông bà M V là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm: Bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, bà Nguyễn Thị T4 và ông Hoàng Huy T3 trình bày:

Từ cuối năm 2012 và năm 2013, bà Nguyễn Thị T có vay tiền của các ông bà nhưng khi đến hạn, bà T không có tiền để trả nên năm 2016 các ông bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, tại các quyết định và bản án của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La giải quyết như sau:

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2016/QĐST-DS ngày 24/8/2016, bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trịnh Thị T1 số tiền 5.000.000.000đ.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2016/QĐST-DS ngày 03/6/2016, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 3.000.000.000đ.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 28/2016/QĐST-DS ngày 24/8/2016, bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Đào Thị T2 số tiền 3.600.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 54/2016/HS-ST ngày 27/5/2016 và bản án hình sự phúc thẩm số 48/2016/HS-PT ngày 17/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tuyên buộc Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T4 số tiền 50.000.000đ, ông Hoàng Huy T3 số tiền 190.000.000đ và bà Vương Thị N số tiền 150.000.000đ.

Đến thời hạn theo các quyết định nêu trên, do bà T không trả được nợ nên các ông bà đã làm đơn đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y yêu cầu thi hành án. Ngày 13/7/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y đã ra thông báo số 33/TB-CCTHA về việc tổ chức cưỡng chế thi hành án. Ngày 28/7/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y có Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS về việc hoãn thi hành án và Thông báo số 44/TB-CCTHADS về việc tạm dừng tổ chức cưỡng chế thi hành án do Tòa án nhân dân huyện Y đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 107/2017/TB-TLVA ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

Bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, bà Nguyễn Thị T4 và ông Hoàng Huy T3 đều xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V với bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc L là hợp đồng chưa hoàn thành, chưa có hiệu lực pháp luật, có hành vi tẩu tán tài sản và yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu và công nhận các tài sản mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y đã kê biên là tài sản của bà Nguyễn Thị T để bảo vệ

quyền và lợi ích chính đáng của các ông bà theo bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La và bà Hà Thị A trình bày: Ngày 18/4/2013, bà Hà Thị A - Công chứng viên của Phòng Công chứng số x5 có công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc L với ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V. Tại thời điểm công chứng, hai bên hoàn toàn tự nguyện ký kết hợp đồng, đã ký và điểm chỉ vào hợp đồng trước mặt của Công chứng viên, đồng thời có đơn đề nghị xóa thế chấp đối với tài sản và nhà đất tại Ngân hàng. Cũng tại thời điểm này, Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức và cá nhân yêu cầu dừng hoặc không công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nên việc công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là hoàn toàn hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y xác định: Trong các ngày 24/4/2013, 25/4/2013, ngày 07/9/2015, ngày 13/6/2016 và ngày 13/9/2016, ông Nguyễn Ngọc M có đến đăng ký biến động đất đai nhưng do có Công văn số 298 của Công an huyện Y (đến nay chưa có văn bản nào thay thế) và Công văn số 45 ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y yêu cầu Chi nhánh Văn phòng không xác nhận việc mua bán đối với tài sản, đất đai của bà Nguyễn Thị T nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y không tiếp nhận hồ sơ của ông Nguyễn Ngọc M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 27/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Áp dụng khoản 11, 12 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 688, 689, 691, 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M đề ngày 20 tháng 7 năm 2017 và bổ sung ngày 27 tháng 7 năm 2017, tuyên xử:

Công nhận ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V có quyền sử dụng đối với các thửa đất và tài sản sau:

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 329-426-2c, diện tích 49m² gồm 01 nhà 03 tầng khép kín trên toàn bộ đất thổ cư, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số AB 173554, vào sổ cấp giấy số H 00244 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 20/9/2005.

Thửa đất số 4(1), tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích 58,5m², địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BE 703398, vào sổ cấp giấy số H 00784 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 25/6/2012.

Thửa số 4 (2) đất vườn, tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích là 63m², địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BE 703399, vào sổ cấp giấy số H 00785 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 25/6/2012.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự và trách nhiệm thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 và 05/9/2018, bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, ông Hoàng Huy T3, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N và bà Nguyễn Thị T4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo yêu cầu của bà Trịnh Thị T1 là người đại diện cho 06 người kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã trưng cầu giám định đối với chữ ký và dấu vân tay của ông Nguyễn Ngọc L trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V; tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 27 ngày 05/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc L trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Ngọc L trên tài liệu, mẫu so sánh là do cùng một người ký ra; không đủ cơ sở để kết luận dấu vân tay dưới chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc L so với dấu vân tay của Nguyễn Ngọc L trên tài liệu, mẫu so sánh có phải là dấu vân tay của cùng một người hay không.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xác định:

- Thửa đất số 93, tờ bản đồ 329-426-2c tại tiểu khu x2, thị trấn Y có tổng diện tích là 66,7m², trong đó: Đất ngoài hành lang giao thông là 10,8m²; trong hành lang giao thông là 55,9m². Diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 49m², ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,9m². Tài sản trên đất là 01 công trình nhà 03 tầng tường xây gạch 110mm.

- Thửa đất số 4(1), tờ bản đồ số 329-426-5a tại tiểu khu x4, thị trấn Y có diện tích là: 61,9m², trong đó, diện tích đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 58,5m², ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3,4m².

- Thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 329-426-5a tại tiểu khu x4, thị trấn Y có diện tích là 63m².

Trên thửa đất số 4(1) và 4(2) có một số cây chuối do ông Mè Văn L1 trồng

trồng (ông L1 cam kết sẽ tự phá dỡ cây chuối khi chủ sử dụng đất có yêu cầu).

Tại Biên bản định giá số 03/BB-HĐĐGTS ngày 12/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Tổng giá trị tài sản đang tranh chấp là 1.356.052.603đ. Trong đó:

- Thửa đất số 93, tờ bản đồ 329-426-2c tại tiểu khu x2, thị trấn Y diện tích là 55,9m² trị giá 1.006.200.000 đồng. Tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc trị giá 297.394.603đ.

- Thửa đất số 4(1), tờ bản đồ số 329-426-5a tại tiểu khu x4, thị trấn Y diện tích 61,9m² trị giá 25.998.000đ.

- Thửa đất số 4(2), tờ bản đồ số 329-426-5a tại tiểu khu x4, thị trấn Y diện tích 63m² trị giá 26.460.000đ.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trịnh Thị T1 là người kháng cáo và đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Huy T3, bà Nguyễn Thị T4 không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu độc lập và giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V và ông Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Thị T là vô hiệu bởi các lý do sau: Ông Nguyễn Ngọc L khẳng định chỉ được ký duy nhất 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông bà M V; chữ ký trên các hợp đồng không giống với chữ ký của ông L; việc công chứng các hợp đồng không được thực hiện đúng quy định của Luật Công chứng và các hợp đồng này chưa được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên chưa có hiệu lực pháp luật.

Người kháng cáo bà Vương Thị N, bà Đào Thị T2 và ông Nguyễn Đức Đ nhất trí với ý kiến của bà Trịnh Thị T1, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận.

Ý kiến tranh tụng của nguyên đơn: Giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận các yêu cầu độc lập và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh tụng của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Tại thời điểm chuyển nhượng, các thửa đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông bà T L, không bị kê biên để thi hành án hay thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà T L và ông bà M V là hợp pháp.

Ý kiến tranh tụng của đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La: Cơ quan thi hành án dân sự không có ý kiến về nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà M V và ông bà T L mà sẽ căn cứ vào quyết định của Tòa án để giải quyết việc thi hành án theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân

theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định cần tuyên buộc đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất lập ngày 18/4/2013 tại Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La (vào sổ 515 Quyền số 10AA-TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc L và bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V đối với thửa đất số 93, tờ bản đồ số 329-426-2c, diện tích 49m² và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà xây 03 tầng khép kín, diện tích xây dựng 160m² tại địa chỉ: Tiểu khu x2, thị trấn Y, tỉnh Sơn La: Hợp đồng này đã được các bên lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia giao dịch; nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và được công chứng tại Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La ngày 18/4/2013 theo đúng quy định.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc M đã nhiều lần đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định. Tuy nhiên, do có Công văn số 298/CV-CA ngày 22/4/2013 của Công an huyện Y về việc đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, Ủy ban nhân dân thị trấn Y không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho người khác đối với các thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị T để điều tra về hành vi lừa đảo của bà T; Công văn số 45/CCTHADS-NV ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y không xác nhận việc mua bán, chuyển nhượng tài sản mang tên Nguyễn Thị T nên ông M không thực hiện được các thủ tục để đăng ký việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Xét thấy, đất và tài sản trên thửa đất số 93, diện tích 49m² thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông bà T L, được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tháng 9/2005, trước thời điểm bà T vay mượn tài sản của bà Trịnh Thị T1, bà Đào Thị T2, ông Nguyễn Đức Đ và thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị T4, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3 nên việc các cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Công văn số

298/CV-CA ngày 22/4/2013 của Công an huyện Y và Công văn số 45/CCTHADS-NV ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y để không thực hiện đăng ký việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông bà Mạnh V đối với đất và tài sản trên thửa đất nêu trên là không đúng quy định của pháp luật.

Mặc dù bà Nguyễn Thị T là người phải thi hành nghĩa vụ trả nợ cho bà Trịnh Thị T1, bà Đào Thị T2, ông Nguyễn Đức Đ, bà Nguyễn Thị T4, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3 là những người được thi hành án theo các quyết định và bản án có hiệu lực pháp luật từ tháng 5/2016, nhưng khối tài sản gồm đất và tài sản là 01 nhà xây 03 tầng trên thửa đất số 93 của ông bà T L không phải là tài sản bảo đảm đối với các khoản nợ này; kết quả xác minh điều kiện thi hành án và cưỡng chế thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y cũng xác định không kê biên, xử lý đối với tài sản này để đảm bảo thi hành án; việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 93, diện tích 49m² giữa ông bà M V và ông bà T L đã được thực hiện, hoàn thành từ ngày 18/4/2013; ông M đã nộp 1.030.000.000đ vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Sơn La, Phòng Giao dịch M để xóa thế chấp cho bà T. Do vậy việc chuyển nhượng đất và tài sản trên đất theo hợp đồng này đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật về đất đai, Điều 91, 92 và 93 Luật Nhà ở năm 2005 và Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự.

Hơn nữa, ông bà M V không thuộc trường hợp không được nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; ông M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở; cả bên mua và bên bán đều yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nêu trên. Hợp đồng này đã đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặc dù ông bà M V chưa thực hiện được việc đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 46 Luật Đất đai năm 2003 nhưng việc không đăng ký được không phải do lỗi của ông bà M V. Trên thực tế, ông bà M V đã và đang quản lý, sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai thửa đất và tài sản trên đất này kể từ thời điểm giao kết hợp đồng (tháng 4/2013) nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Công nhận ông bà M V được quyền sử dụng thửa đất số 93, diện tích 49m² và tài sản trên đất gồm 01 nhà xây 03 tầng khép kín tại tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y và không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với khối tài sản gồm đất và nhà trên thửa đất nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xem xét đối với 02 (hai) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng lập ngày 18/4/2013 tại Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La (vào sổ số 516, 517 Quyển số 10AA-TP/CC-SCC/HĐGD) giữa ông bà L T và ông bà M V đối với thửa đất số 4(1), diện tích 58,5m² và thửa đất số 4(2) đất vườn, diện tích 63m², từ

bản đồ số 329-426-5a tại tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La thấy rằng:

Hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đều được các bên lập thành văn bản và được công chứng, chứng thực theo đúng quy định. Sau khi ký hợp đồng, ông Nguyễn Ngọc M cũng đã đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Y để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định nhưng do có Công văn số 298/CV-CA ngày 22/4/2013 của Công an huyện Y và Công văn số 45/CCTHADS-NV ngày 21/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y như đã nêu trên nên ông M không thực hiện được các thủ tục để đăng ký việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tại Điều 692 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: “*Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai*”; Điều 46 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “*Việc đăng ký quyền sử dụng đất được thực hiện tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất*”.

Theo các quy định nêu trên thì hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 4(1), diện tích 58,5m² và thửa đất số 4(2) đất vườn, diện tích là 63m², tờ bản đồ số 329-426-5a chưa có hiệu lực pháp luật. Mặc dù ông bà L T và ông bà M V đều có nguyện vọng tiếp tục được thực hiện hợp đồng nhưng các hợp đồng này thực chất là để bảo đảm cho khoản nợ của bà T vay ông M; việc xác lập giao dịch giữa các bên nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho người thứ ba (là những người liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án); người thứ ba đã có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Y đã ra quyết định cưỡng chế, kê biên xử lý khối tài sản này để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bà T. Theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “... *Trong trường hợp xác định giao dịch giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch đó vô hiệu*”. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất số 4(1), diện tích 58,5m² và thửa đất số 4(2) đất vườn, diện tích là 63m², tờ bản đồ số 329-426-5a và không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng bản chất sự việc.

[3] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4(1), diện tích 58,5m² và thửa đất số 4(2) đất vườn, diện tích 63m², tờ bản đồ số 329-426-5a giữa ông bà L T và ông bà M V là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định tại Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu:

[4.1] Xác định lỗi: Quá trình giải quyết vụ án, ông bà T L và ông bà M V đều đề nghị tiếp tục được thực hiện 02 (hai) hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên nhưng các hợp đồng này thực chất là để bảo đảm cho khoản nợ của bà T vay ông M và các thửa đất này đã bị Cơ quan thi hành án dân sự huyện Y kê biên, xử lý tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bà T nên xác định cả ông bà T L và ông bà M V đều có lỗi trong việc làm cho 02 hợp đồng nêu trên vô hiệu.

[4.2] Xác định thiệt hại: Căn cứ vào điểm c.3 mục 2.3, phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu thì Tòa án cần xác định thiệt hại gồm:*

... Trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có thỏa thuận khác về việc áp dụng biện pháp phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 379 Bộ luật dân sự để bảo đảm thực hiện hợp đồng thì thiệt hại còn bao gồm khoản tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất do các bên thỏa thuận với giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm hoặc các thiệt hại khác, nếu có”.

Tại phiên Tòa, các bên đương sự xác định thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian ông bà T L nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông bà M V đến thời điểm xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/ năm.

Ngày 18/4/2013, ông bà L T và ông bà M V ký kết 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 4(1), diện tích 58,5m² và thửa đất số 4(2) đất vườn, diện tích là 63m², tờ bản đồ số 329-426-5a, tổng giá trị của 02 hợp đồng là 300.000.000đ. Tính đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 05/6/2019) là 06 năm 01 tháng 18 ngày. Như vậy, thiệt hại của ông Nguyễn Ngọc M do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu tương ứng với số tiền 300.000.000đ x 9%/năm x (06 năm 01 tháng 18 ngày) = 165.600.000đ.

[5] Về chi phí tố tụng: Do kháng cáo chỉ được chấp nhận một phần và các đương sự không có thỏa thuận khác nên những người kháng cáo phải chịu chi phí giám định, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[6] Về án phí: Những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần; án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3, bà Nguyễn Thị T4. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng khoản 11, 12 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 688, 689, 691, 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2017 và sửa đổi, bổ sung ngày 27/7/2017, tuyên xử:

Công nhận ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V có quyền sử dụng đối với thửa đất và tài sản sau: Thửa đất số 93, tờ bản đồ số: 329-426-2c, diện tích 49m² gồm 01 nhà xây 03 tầng khép kín trên toàn bộ đất thổ cư, địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số AB 173554, vào sổ cấp giấy số H 00244 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 20/9/2005 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 18/4/2013, vào sổ số 515, quyền số Quyền số 10AA-TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3, bà Nguyễn Thị T4 như sau:

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc L và bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V lập ngày 18/4/2013, vào sổ số 516, 517 Quyền số 10AA-TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số x5 tỉnh Sơn La đối với: Thửa đất số 4(1), tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích 58,5m², địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BE 703398, vào sổ cấp giấy số H 00784 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 25/6/2012; thửa đất số 4(2) đất vườn; tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích là 63m², địa chỉ thửa đất: Tiểu khu x4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng số BE 703399, vào sổ cấp giấy số H 00785 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 25/6/2012 là vô hiệu.

3. Buộc ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc L 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 703398, vào sổ cấp giấy số H 00784 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 25/6/2012 đối với thửa đất số 4(1), tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích 58,5m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 703399, vào sổ cấp giấy số H 00785 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho bà Nguyễn Thị T ngày 25/6/2012 đối với thửa đất số 4(2) đất vườn, tờ bản đồ 329-426-5a, diện tích 63m².

4. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc L phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị V số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) và số tiền bị thiệt hại theo lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định là 165.600.000đ (*một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 465.600.000đ (*bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

5. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 156, khoản 1 Điều 157, Điều 160, khoản 1 Điều 161, Điều 164, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3, bà Nguyễn Thị T4 phải chịu 14.069.000đ (*mười bốn triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) tiền chi phí giám định, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà Trịnh Thị T1 đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La vào ngày 25/10/2018.

Buộc ông Nguyễn Đức Đ, bà Đào Thị T2, bà Vương Thị N, ông Hoàng Huy T3, bà Nguyễn Thị T4 mỗi người phải trả cho bà Trịnh Thị T1 2.345.000đ (*hai triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4, khoản 6 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trịnh Thị T1, ông Nguyễn Đức Đ, ông Hoàng Huy T3, bà Vương Thị N, bà Đào Thị T2, bà Nguyễn Thị T4 mỗi người phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 04058, 04053, 04063, 04060, 04055, 04062 ngày 15/8/2017 và được trả lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000039, 0000035, 0000037, 0000038 ngày 11/9/2018 và biên lai thu tiền số 04973, 04974 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/04043 ngày 27/7/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Y, tỉnh Sơn La, còn được trả lại 14.700.000đ (*mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 8.280.000đ (*tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng 8.580.000đ (*tám triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/6/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Yên;
- CC THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh